TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **82**/2022/DS-ST Ngày: 16 - 8 - 2022 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86 2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S (Sacombank); địa chỉ trụ sở: Phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc D- chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2022), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Huỳnh Thanh M, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, Khu phố 6, phường Ph, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 (nộp tại Tòa án ngày 10/5/2022) và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày*:**

Ngày 23/02/2016, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Dương và bà Trần Huỳnh Thanh M đã ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1605400233. Theo

nội dung hợp đồng, bà M vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 100.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân 0,7%/tháng, tùy thuộc vào tình hình lãi suất trên thị trường, ngân hàng có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất với bà M, khi vay bà M không thế chấp tài sản gì cho ngân hàng.

Theo thỏa thuận, bà M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 133.600.000^{đ} (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) theo phương thức trả trong thời hạn 48 tháng, mỗi tháng thanh toán 2.783.000^{đ}, tháng cuối cùng thanh toán 2.799.000^{đ}, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/3/2016. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, bà M đã nhận đủ số tiền vay 100.000.000đ và thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 72.220.000đ và tiền lãi 22.448.778đ. Tuy nhiên, từ ngày 30/11/2018 cho đến nay, bà M không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Trần Huỳnh Thanh M trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2022 là 76.078.000đ, trong đó nợ gốc là 27.778.000đ, nợ lãi trong hạn là 32.200.000đ, nợ lãi quá hạn 16.100.000đ.

+ Ngoài ra, bà Trần Huỳnh Thanh M còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/8/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1605400233 ngày 23/02/2016 mà hai bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi về phần tiền lãi tính đến ngày 09/8/2022, cụ thể: Số tiền lãi quá hạn 32.200.000đ và tiền lãi phạt 16.100.000đ.

- Bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh M: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn đơn ông Nguyễn Quốc D và bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh M theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Trần Huỳnh Thanh M trả số tiền lãi trong hạn là 32.200.000đ, nợ lãi quá hạn 16.100.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn là 32.200.000đ, nợ lãi phạt 16.100.000đ.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1605400233 ngày 23/02/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Dương và bà Trần Huỳnh Thanh M là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất và bà Trần Huỳnh Thanh M đã được giải ngân số tiền vay 100.000.000đ vào ngày 23/02/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà M trả được cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 72.220.000đ và tiền lãi 22.448.778đ nhưng từ ngày 30/11/2018 cho đến nay, bà M không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng và còn nợ ngân hàng số nợ gốc 27.778.000đ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn lại 27.778.000đ tính đến ngày 09/8/2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Tại hợp đồng tín dụng số LD1605400233 ngày 23/02/2016, giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Huỳnh Thanh M thỏa thuận về mức lãi suất vay là 0,7%/tháng.

Đối với tiền lãi quá hạn và tiền lãi phạt thì tại Điều 2 về thu nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn của Phụ lục các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng số LD1605400233 ngày 23/02/2016, thể hiện:

"...(e) Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối đối với phần nợ gốc của kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức lãi suất quy định pháp luật (nêu có).

(f) Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả, bên vay đồng ý chịu mức phạt trên tiền lãi phải trả và số ngày chậm trả do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức lãi suất quy định pháp luật (nêu có)".

Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận khi giao kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 30/11/2018 đến nay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/8/2022 với số tiền 32.200.000đ và tiền lãi phạt 16.100.000đ, tổng cộng 43.300.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Trần Huỳnh Thanh M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 76.078.000đ (Bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 27.778.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng), nợ lãi 43.300.000đ (Bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) tính đến ngày 09/8/2022 theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1605400233 ngày 23/02/2016.

Kể từ ngày 10/8/2022 đến khi thi hành án xong, bà Trần Huỳnh Thanh M còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1605400233 ngày 23/02/2016 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Trần Huỳnh Thanh M phải chịu số tiền 3.804.000đ (Ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.771.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2021-0001404, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng